CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
----------oOo----------

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2022

(TCCS 12:2022/NVL)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Địa chỉ: **SỐ 7, ĐƯỜNG 17A, KHU CÔNG NGHIỆP BIÊN HÒA 2, PHƯỜNG AN BÌNH, THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI, VIỆT NAM**
Điện thoại: **02513 -836601** Fax: **02513-836602**
E-mail:.....
Mã số doanh nghiệp: 3600235305
Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 038/2020/ATTP-CNĐK / Ngày cấp: 12/02/2020/ Nơi cấp: Chi Cục an toàn vệ sinh thực phẩm – Sở Y tế tỉnh Đồng Nai

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **LY GIẤY**
2. Thành phần: Giấy, lớp phủ nhựa PE, dầu khoáng trắng.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Tối đa 24 tháng kể từ tháng sản xuất,
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
   - ❖ Thông số kỹ thuật: Gồm 3 loại:

   - Cỡ nhỏ 4 oz 12433684: Dung tích 119 ml, đường kính 44,2 mm & 62,6 mm, chiều cao 60 mm, khối lượng tịnh 3,4 kg/ 1000 pcs
   - Cỡ vừa 8 oz 12433648: Dung tích 237 ml, đường kính 51,61 mm & 80 mm, chiều cao 94 mm, khối lượng tịnh 6,9 kg/ 1000 pcs
   - Cỡ lớn 12 oz 12433692: Dung tích 355 ml, đường kính 59,4 mm & 89,9 mm, chiều cao 111,3 mm, khối lượng tịnh 11,0 kg/ 1000 pcs

   - ❖ Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng trong bao nylon, sau đó xếp vào thùng carton. Bao bì sạch, đảm bảo chất lượng an toàn vệ sinh thực phẩm
   - ❖ Quy cách đóng gói: Mỗi thùng carton có 1000 pcs gồm 20 bao x 50 pcs / bao
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm: Công ty TNHH Huhtamaki Quảng Đông - Số 15, Đường Ganzhu, Quận Yonghe Economic, Getdd, Thành phố Quảng Đông, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

III. Mẫu nhãn sản phẩm: *Có nhãn phụ đính kèm*

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số: QCVN 12-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ làm bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm - Yêu cầu đối với bao bì, dụng cụ từ nhựa Polyethylen (PE)

No	Chỉ tiêu kiểm tra	Điều kiện ngâm thôi	Dung dịch ngâm thôi	Giới hạn tối đa
THỬ VẬT LIỆU:				
1	Chì	N/A	N/A	100 µg/g
2	Cadmi	N/A	N/A	100 µg/g
THỬ THÔI NHIỄM:				
3	Kim loại nặng	60^0C trong 30 phút	Acid acetic 4%	1 µg/ml
4	Lượng KMnO4 sử dụng		Nước	10 µg/ml
5	Cặn khô	25^0C trong 1 giờ	Heptan	30 µg/ml
6	Cặn khô	60^0C trong 30 phút	Ethanol 20%	30 µg/ml
7	Cặn khô		Nước	
8	Cặn khô		Acid acetic 4%	

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố.

Biên Hòa, ngày 08 tháng 3 năm 2022

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

M.S.D.N: 3600235305 - C.T.T.N.H.H - CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM - T.P BIÊN HÒA - T.ĐỒNG NAI

Carl Khoury

Giám Đốc Ngành hàng Cà phê Và Thức uống

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 12/CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM/2022

PHỤ LỤC: MÔ TẢ SẢN PHẨM

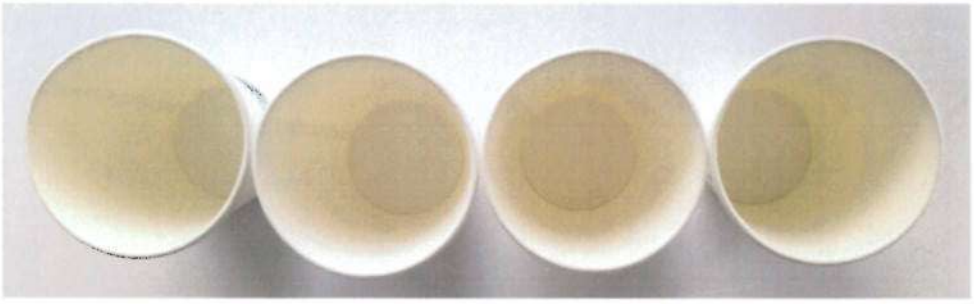

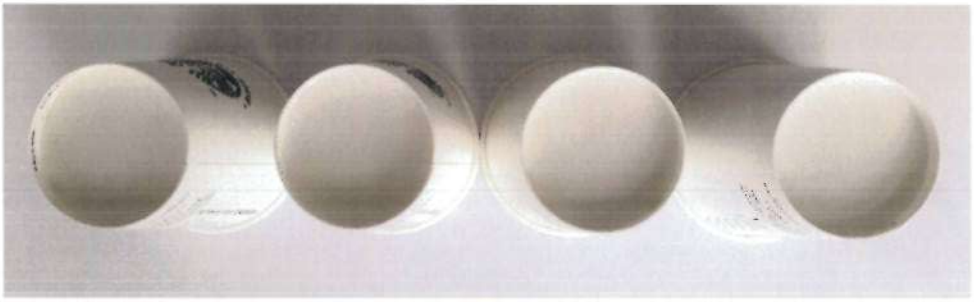

Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

LY GIẤY

Mã sản phẩm: 12433684

Thành phần: Giấy, lớp phủ nhựa PE, dầu khoáng trắng.

Khối lượng tịnh: 3,4 kg (1000 pcs x 3,4 g/ pcs)

Thông số kỹ thuật: Dung tích 119 ml, đường kính 44,2 mm & 62,6 mm, chiều cao 60,0 mm

Ngày sản xuất: Xem "MFG date" trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Dùng để chứa đựng cà phê nóng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ.

Thông tin cảnh báo: Tránh để gần lửa và các nguồn phát nhiệt. Không phù hợp để chứa thực phẩm có chất béo & acid cao và không sử dụng trong lò vi sóng.

Xuất xứ: Trung Quốc

Sản xuất bởi: Công ty TNHH Huhtamaki Quảng Đông -Số 15, Đường Ganzhu, Quận Yonghe Economic, Getdd, Thành phố Quảng Đông, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 12:2022/NVL

Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

LY GIẤY

Mã sản phẩm: 12433648

Thành phần: Giấy, lớp phủ nhựa PE, dầu khoáng trắng.

Khối lượng tịnh: 6,9 kg (1000 pcs x 6,9 g/ pcs)

Thông số kỹ thuật: Dung tích 237 ml, đường kính 51,61 mm & 80 mm, chiều cao 94 mm

Ngày sản xuất: Xem "MFG date" trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Dùng để chứa đựng cà phê nóng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ.

Thông tin cảnh báo: Tránh để gần lửa và các nguồn phát nhiệt. Không phù hợp để chứa thực phẩm có chất béo & acid cao và không sử dụng trong lò vi sóng.

Xuất xứ: Trung Quốc

Sản xuất bởi: Công ty TNHH Huhtamaki Quảng Đông -Số 15, Đường Ganzhu, Quận Yonghe Economic, Getdd, Thành phố Quảng Đông, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 12:2022/NVL

Nội dung ghi nhãn của sản phẩm

(Nhãn phụ của sản phẩm)

LY GIẤY

Mã sản phẩm: 12433692

Thành phần: Giấy, lớp phủ nhựa PE, dầu khoáng trắng.

Khối lượng tịnh: 11 kg (1000 pcs x 11 g/ pcs)

Thông số kỹ thuật: Dung tích 355 ml, đường kính 59,4 mm & 89,9 mm, chiều cao 111,3 mm

Ngày sản xuất: Xem "MFG date" trên bao bì

Hướng dẫn sử dụng, bảo quản: Dùng để chứa đựng cà phê nóng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ.

Thông tin cảnh báo: Tránh để gần lửa và các nguồn phát nhiệt. Không phù hợp để chứa thực phẩm có chất béo & acid cao và không sử dụng trong lò vi sóng.

Xuất xứ: Trung Quốc

Sản xuất bởi: Công ty TNHH Huhtamaki Quảng Đông -Số 15, Đường Ganzhu, Quận Yonghe Economic, Getdd, Thành phố Quảng Đông, Tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc.

Thương nhân nhập khẩu và tự công bố: Công ty TNHH Nestlé Việt Nam, Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, P. An Bình, TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai, Việt Nam

Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 12:2022/NVL

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3
QUATEST 3®
Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00434AHD2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Tên mẫu / *Name of sample* : **LY GIẤY**

2. Mô tả mẫu / *Description* : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp. / *Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.*
(xem hình trang 03/03/ *see picture on page 03/03*)

3. Số lượng mẫu / *Quantity* : 01

4. Ngày nhận mẫu / *Date of receipt* : 10/02/2022

5. Thời gian thử nghiệm / *Testing duration* : 11/02/2022 - 21/02/2022

6. Nơi gửi mẫu / *Customer* : **CÔNG TY TNHH NESTLÉ VIỆT NAM**
Số 7, Đường 17A, Khu Công Nghiệp Biên Hòa 2, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

7. Kết quả thử nghiệm / *Test results* : Xem trang tiếp theo / *Refer to next page*

P.TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG	**TL. GIÁM ĐỐC/ *PP. DIRECTOR***
DEPUTY HEAD OF CONSUMER PRODUCTS TESTING LAB.	**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**
	HEAD OF TESTING LAB.
Nguyễn Thị Thùy Nhi	**Phan Thành Trung**

TỔNG CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG – TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

KT3-00434AHD2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/02/2022

Tên chỉ tiêu *Characteristic*	Đơn vị tính *Unit*	Phương pháp thử *Test method*	Giới hạn phát hiện/ *Limit of detection*	Kết quả thử nghiệm *Test result*	Mức yêu cầu/ *requirement* (*)
7.1 Định danh nhựa (mặt tiếp xúc với thực phẩm) bằng phương pháp phổ hồng ngoại/ *Identification of polymer (contact with foodstuff) by infrared spectroscopy method*	-	ASTM E 1252 - 98	-	Poly ethylene	-
THỬ VẬT LIỆU/ *MATERIAL TEST*					
7.2 Hàm lượng chì/ *Lead content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
7.3 Hàm lượng cađimi/ *Cadmium content*	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	KPH/ND	≤ 100
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM/ *ELUTION TEST*					
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *Heavy metals in 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1	≤ 1
7.5 Lượng $KMnO_4$ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *$KMnO_4$ consumption in water after 30 min at 60 °C*	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	KPH/ND	≤ 10
7.6 Hàm lượng cặn khô/ *Evaporation residue*		QCVN 12-1 : 2011/BYT			
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C/ *In heptan after 60 min at 25 °C*	µg/mL		5,0	< 10,0 (✧)	≤ 30
• Trong ethanol 20 % (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 20 % ethanol (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C/ *In water after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C/ *In 4% acetic acid (v/v) after 30 min at 60 °C*	µg/mL		5,0	KPH/ND	≤ 30

Ghi chú/ *Note:* Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến/ *Test results are valid for the namely submitted sample only.*

(*) - Theo yêu cầu kỹ thuật của QCVN 12-1 : 2011/BYT/ *According to Technical specification of QCVN 12-1 : 2011/BYT*

(✧) Giới hạn định lượng/ *Limit of quantification*

KPH/ND: Không phát hiện/ *Not detected*

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: No.7, road No.1, Bien Hoa I IZ, Dong Nai, Vietnam C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist.2, HCMC, Vietnam 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-00434AHD2/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

21/02/2022

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn và rq.tn@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact Quatest 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn and rq.tn@quatest3.com.vn for further information about test report.